

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH	LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%			30%			60%	100%		
(1)	(2)	(3)			1	1	(10)						
1	1812719005	Lê Tú Anh	N18DLK1	9	7	7	7.0	8.2	8	8.1	7.9	Bảy phẩy Chín	
2	1813719016	Trần Lê Quốc Bảo	N18DLK1	7	5	7	6.0	5	6	5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
3	1813719019	Nguyễn Cao Cấp	N18DLK1	8	6	7	6.5	7	7	7.0	7.0	Bảy	
4	1813719056	Dụng Anh Đức	N18DLK1	7	6	6	6.0	6.6	8	7.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
5	1812719033	Nguyễn Thị Thùy Dung	N18DLK1	8	6	7	6.5	V	V	V	0.0	Không	
6	1812719043	Hoàng Mộng Duyên	N18DLK1	9	6	7	6.5	5	7.5	6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
7	1812719059	Nguyễn Thị Hương Giang	N18DLK1	9	6	8	7.0	5.4	8.5	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
8	1812719065	Phan Thị Thu Hà	N18DLK1	8	5	6	5.5	4.2	5.5	4.9	0.0	Không	
9	1813719061	Đình Ngọc Hà	N18DLK1	8	6	6	6.0	4.6	5.5	5.1	5.7	Năm phẩy Bảy	
10	1812719067	Nguyễn Đăng Mỹ Hạnh	N18DLK1	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
11	1812719076	Nguyễn Thị Kim Hiền	N18DLK1	8	6	5	5.5	4.6	5	4.8	0.0	Không	
12	1812719074	Nguyễn Trần Thu Hiền	N18DLK1	9	7	6	6.5	5.2	6	5.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
13	1813719080	Nguyễn Quốc Hiếu	N18DLK1	9	7	7	7.0	8	6.5	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
14	1813719088	Phan Trọng Hoan	N18DLK1	7	6	7	6.5	6.6	8.5	7.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
15	1813719096	Bùi Quang Huy	N18DLK1	7	5	6	5.5	7.2	7.5	7.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
16	1812719103	Trương Thị Như Kha	N18DLK1	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
17	1813719107	Hồ Nguyễn Anh Khoa	N18DLK1	6	6	6	6.0	7.2	6	6.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
18	1813719127	Nguyễn Thành Long	N18DLK1	9	7	7	7.0	6.8	7	6.9	7.1	Bảy phẩy Một	
19	1812719134	Nguyễn Hương Ly	N18DLK1	9	6	6	6.0	7.6	6	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
20	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	8	6	5	5.5	7.8	5.5	6.7	6.5	Sáu phẩy Năm	
21	1813719174	Trương Minh Nhựt	N18DLK1	10	9	8	8.5	7.8	9	8.4	8.6	Tám phẩy Sáu	
22	1813719188	Trần Đăng Phúc	N18DLK1	9	7	6	6.5	7.8	7.5	7.7	7.5	Bảy phẩy Năm	
23	1813719190	Dương Tấn Phụng	N18DLK1	9	6	6	6.0	7.6	6	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
24	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	7	5	6	5.5	4.2	7	5.6	5.7	Năm phẩy Bảy	
25	1812719195	Nguyễn Thị Thanh Phương	N18DLK1	7	6	5	5.5	4.6	7	5.8	5.8	Năm phẩy Tám	
26	1812719204	Nguyễn Thị Như Quyên	N18DLK1	6	5	6	5.5	V	V	V	0.0	Không	
27	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	10	8	8	8.0	7.4	9	8.2	8.3	Tám phẩy Ba	
28	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	9	5	7	6.0	5.8	7.5	6.7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
29	1813719214	Huỳnh Thanh Ry	N18DLK1	8	5	5	5.0	V	V	V	0.0	Không	
30	1812719222	Võ Huyền Tố Tâm	N18DLK1	8	5	6	5.5	V	V	V	0.0	Không	
31	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	9	7	6	6.5	5.4	6	5.7	6.3	Sáu phẩy Ba	
32	1812719231	Nguyễn Thị Thanh Thảo	N18DLK1	9	6	6	6.0	5	5	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
33	1812719237	Nguyễn Thị Thanh Thê	N18DLK1	7	7	5	6.0	6	5	5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
34	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	9	6	7	6.5	5.4	5.5	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
35	1812719258	Nguyễn Phước Tôn Ni Thương	N18DLK1	9	7	5	6.0	5	7	6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
36	1812719250	Lê Thị Như Thùy	N18DLK1	7	6	6	6.0	V	V	V	0.0	Không	
37	1813719261	Đặng Vũ Tiến	N18DLK1	8	7	5	6.0	5.8	8	6.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
38	1813719263	Trần Tín	N18DLK1	10	7	6	6.5	5.2	7.5	6.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
39	1813719267	Tiêu Phi Toàn	N18DLK1	7	6	6	6.0	6.6	8	7.3	6.9	Sáu phẩy Chín	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1812719274	Lê Thị	Trâm	N18DLK1	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
41	1812719272	Huỳnh Huyền	Trâm	N18DLK1	8	6	6	6.0	6.6	5	5.8	6.1	Sáu phẩy Một	
42	1812719268	Nguyễn Thị Thùy	Trang	N18DLK1	9	7	5	6.0	6	5.5	5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
43	1812719302	Cao Thanh	Vân	N18DLK1	9	5	6	5.5	5.2	7	6.1	6.2	Sáu phẩy Hai	
44	1812719303	Trần Thị Kiều	Vân	N18DLK1	8	5	5	5.0	5.2	7	6.1	6.0	Sáu	
45	1812719311	Trương Thị	Von	N18DLK1	9	5	7	6.0	5.4	5	5.2	5.8	Năm phẩy Tám	
46	1813719314	Phạm Hoàng	Vũ	N18DLK1	7	6	6	6.0	5.6	7	6.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
47	1812719323	Trương Nguyễn Như	Ý	N18DLK1	10	7	7	7.0	5	7	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
48	1813719015	Nguyễn Thiên	Ân	N18DLK2	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
49	1812719007	Cao Xuân Hoàng	Anh	N18DLK2	10	7	8	7.5	5.8	7	6.4	7.1	Bảy phẩy Một	
50	1812719017	Huỳnh Thị	Bình	N18DLK2	7	5	5	5.0	7.4	5.5	6.5	6.1	Sáu phẩy Một	
51	1813719018	Huỳnh Kim	Cánh	N18DLK2	7	5	5	5.0	6	5.5	5.8	5.7	Năm phẩy Bảy	
52	1813719049	Trần Quang	Đạt	N18DLK2	9	5	6	5.5	6.2	8.5	7.4	7.0	Bảy	
53	1812719028	Bùi Lê Thúy	Diễm	N18DLK2	9	6	5	5.5	6.2	7.5	6.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
54	1812719053	Nguyễn Thị	Đông	N18DLK2	7	7	5	6.0	5.8	6.5	6.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
55	1812719035	Nguyễn Thị Phương	Dung	N18DLK2	8	5	7	6.0	4.4	6.5	5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
56	1812719034	Dương Thị Thùy	Dung	N18DLK2	5	5	6	5.5	5	5	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
57	1813719036	Đỗ Yên	Dũng	N18DLK2	7	5	5	5.0	6.6	7	6.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
58	1813719045	Hoàng Hải	Dương	N18DLK2	10	8	7	7.5	7.6	8	7.8	7.9	Bảy phẩy Chín	
59	1812719047	Lê Trùng	Dương	N18DLK2	8	7	5	6.0	7	7	7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
60	1813719046	Phan Văn	Dương	N18DLK2	7	5	5	5.0	5.2	5	5.1	5.3	Năm phẩy Ba	
61	1813719038	Nguyễn Ngọc	Duy	N18DLK2	8	5	5	5.0	7	7	7.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
62	1812719087	Nguyễn Thị Hạ	Hoài	N18DLK2	9	5	6	5.5	7	5	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
63	1812719093	Nguyễn Thị Kim	Hồng	N18DLK2	9	6	6	6.0	4.2	5	4.6	0.0	Không	
64	1813719099	Trần Đức	Hưng	N18DLK2	7	5	5	5.0	7.8	5	6.4	6.0	Sáu	
65	1813719105	Nguyễn Phú	Khánh	N18DLK2	6	6	6	6.0	5.2	5	5.1	5.5	Năm phẩy Năm	
66	1813719116	Phùng Duy	Lâm	N18DLK2	8	7	5	6.0	7	6.5	6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
67	1813719132	Tô Minh	Lợi	N18DLK2	7	6	5	5.5	5.2	7	6.1	6.0	Sáu	
68	1812719135	Đoàn Thị Như	Mai	N18DLK2	9	7	7	7.0	5	5	5.0	6.0	Sáu	
69	1812719138	Võ Thùy Bảo	My	N18DLK2	8	6	7	6.5	8	5	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
70	1812719142	Lê Thị Trà	My	N18DLK2	8	5	7	6.0	5.2	4.5	4.9	0.0	Không	
71	1812719145	Nguyễn Vinh	Nam	N18DLK2	9	6	6	6.0	6.2	5.5	5.9	6.2	Sáu phẩy Hai	
72	1812719148	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	N18DLK2	9	6	8	7.0	6.6	5	5.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
73	1812719150	Phạm Thị Bích	Ngọc	N18DLK2	9	6	7	6.5	7.4	5	6.2	6.6	Sáu phẩy Sáu	
74	1812719167	Trương Nguyễn Yến	Nhi	N18DLK2	7	6	6	6.0	7.2	5	6.1	6.2	Sáu phẩy Hai	
75	1813719171	Nguyễn Thế	Nhon	N18DLK2	8	6	6	6.0	8.2	6	7.1	6.9	Sáu phẩy Chín	
76	1812719197	Lê Ngọc Trâm	Phương	N18DLK2	7	5	7	6.0	6	7	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
77	1812719206	Phan Thị Bảo	Quỳnh	N18DLK2	9	5	8	6.5	7	6.5	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
78	1812719210	Trần Thị	Quỳnh	N18DLK2	8	6	7	6.5	7.6	5	6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
79	1812719219	Trần Thị	Tâm	N18DLK2	9	6	6	6.0	7.2	5	6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	
80	1812719228	Phùng Thị Thiên	Thanh	N18DLK2	9	7	8	7.5	6.4	7	6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
81	1813719239	Lê Xuân	Thiện	N18DLK2	8	5	6	5.5	8	6	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
82	1812719257	Nguyễn Diệu Anh	Thư	N18DLK2	8	6	5	5.5	8.8	7	7.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
83	1812719249	Nguyễn Thị Thu	Thùy	N18DLK2	9	7	5	6.0	3.8	6	4.9	0.0	Không	
84	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền	Trâm	N18DLK2	8	6	6	6.0	5.6	6.5	6.1	6.3	Sáu phẩy Ba	
85	1812719269	Nguyễn Võ Hoàng	Trang	N18DLK2	9	6	5	5.5	8.2	6	7.1	6.8	Sáu phẩy Tám	
86	1813719287	Phạm Ngọc	Trung	N18DLK2	8	7	5	6.0	4.2	6	5.1	5.7	Năm phẩy Bảy	
87	1812719297	Lâm Thảo	Uyên	N18DLK2	7	7	6	6.5	5.2	6	5.6	6.0	Sáu	
88	1813719308	Trần Viết	Viễn	N18DLK2	7	6	6	6.0	5.6	7	6.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
89	1813719318	Trần Viết	Vương	N18DLK2	7	6	5	5.5	8	6.5	7.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
90	1812719014	Lê Thị Ngọc	Ánh	N18DLK3	8.5	8	6	7.0	7.4	V	V	0.0	Không	
91	1812719012	Hồ Thị Ngọc	Ánh	N18DLK3	8.5	8.5	6.5	7.5	V	V	V	0.0	Không	
92	1812719020	Nguyễn Thị Minh	Châu	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	5.4	6.5	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
93	1812719031	Nguyễn Thị Thanh	Dung	N18DLK3	8.5	9	7	8.0	6	6	6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
94	1812719062	Trần Thị Thu	Hà	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	5.4	7	6.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
95	1812719073	Lê Thị Diệu	Hiền	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	7	7	7.0	7.0	Bảy	
96	1812719086	Nguyễn Thị Thương	Hoài	N18DLK3	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
97	1813719090	Đoàn Văn	Hoàng	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	5.4	7	6.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
98	1813719110	Nguyễn Đức	Khôi	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	3.6	6.5	5.1	5.9	Năm phẩy Chín	
99	1812719111	Lê Nguyên Trà	Khúc	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	7.4	5.5	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
100	1812719113	Trần Thị	La	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	6.2	5	5.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
101	1812719115	Võ Thị Tương	Lai	N18DLK3	8.5	8	6.5	7.3	V	V	V	0.0	Không	
102	1812719124	Nguyễn Thảo	Linh	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	6.6	6	6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
103	1812719125	Mai Nguyễn Quỳnh	Loan	N18DLK3	8	7	5.5	6.3	5	6	5.5	6.0	Sáu	
104	1813719131	Trần Thanh	Lợi	N18DLK3	8	8	6	7.0	7.4	6	6.7	6.9	Sáu phẩy Chín	
105	1812719139	Trần Thảo	My	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	5.4	7	6.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
106	1812719149	Nguyễn Xuân Phương	Ngọc	N18DLK3	8.5	8	7	7.5	8.4	6	7.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
107	1812719152	Lê Kim Hạnh	Nguyễn	N18DLK3	8.5	7	6.5	6.8	6	5	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
108	1812719166	Đoàn Trần Ý	Nhi	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	7.8	7	7.4	7.2	Bảy phẩy Hai	
109	1812719172	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	5.8	6	5.9	6.3	Sáu phẩy Ba	
110	1812719177	Lê Thị Kiều	Oanh	N18DLK3	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
111	1812719180	Nguyễn Thị Mai	Phi	N18DLK3	8.5	7.5	6	6.8	7.8	7	7.4	7.3	Bảy phẩy Ba	
112	1812719184	Thái Hồng	Phúc	N18DLK3	8.5	7.5	6	6.8	V	V	V	0.0	Không	
113	1813719186	Lê Hồng	Phúc	N18DLK3	8.5	7	6	6.5	8.4	7	7.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
114	1813719185	Phạm Đắc Hoàng	Phúc	N18DLK3	8.5	7	6	6.5	6	6.5	6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
115	1813719191	Nguyễn Chánh	Phước	N18DLK3	8.5	7	6	6.5	7.8	6	6.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
116	1812719196	Phan Hồng	Phương	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	6.2	6	6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	
117	1813719202	Lê Trung	Quốc	N18DLK3	8.5	8	7	7.5	8.2	7	7.6	7.7	Bảy phẩy Bảy	
118	1812719205	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	3.8	V	V	0.0	Không	
119	1813719217	Phạm Ngọc	Sơn	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	5.6	6.5	6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	
120	1813719218	Võ Chí	Tâm	N18DLK3	9	7	6.5	6.8	6.4	6.5	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
121	1813719226	Nguyễn Hồng	Thanh	N18DLK3	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
122	1813719229	Ngô Trương Duy	Thành	N18DLK3	8.5	7	6	6.5	4.4	6	5.2	5.9	Năm phẩy Chín	
123	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu	Thảo	N18DLK3	8.5	7	6	6.5	7	6.5	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
124	1812719230	Phạm Phương	Thảo	N18DLK3	8.5	7.5	6.5	7.0	5.2	6	5.6	6.3	Sáu phẩy Ba	
125	1813719242	Cao Phan Quốc	Thọ	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	5.4	6	5.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
126	1812719252	Võ Thị Ánh	Thủy	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	5.4	6	5.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
127	1812719253	Bùi Thị Thanh	Thủy	N18DLK3	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
128	1813719266	Mai Đình	Toàn	N18DLK3	8.5	7.5	5.5	6.5	5.6	6	5.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
129	1812719275	Phạm Thị	Trâm	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	3.2	5.5	4.4	0.0	Không	
130	1812719273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	4.4	5.5	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
131	1813719288	Nguyễn Nhật	Trường	N18DLK3	8.5	7.5	6.5	7.0	5.4	5	5.2	6.1	Sáu phẩy Một	
132	1813719289	Đỗ Thanh	Tú	N18DLK3	8.5	8.5	7	7.8	6.8	6.5	6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
133	1813719295	Trần Mai Phước	Tùng	N18DLK3	8.5	7.5	6.5	7.0	4.2	6.5	5.4	6.2	Sáu phẩy Hai	
134	1813719307	Huỳnh Văn	Vĩ	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	3.2	6	4.6	0.0	Không	
135	1813719309	Cao Xuân	Vinh	N18DLK3	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
136	1813719312	Võ Nguyên	Vũ	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	2.8	6	4.4	0.0	Không	
137	1812719319	Phan Thúy	Vy	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	5.8	7	6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
138	1812719324	Nguyễn Thị Kim	Yến	N18DLK3	8.5	7	5.5	6.3	4	7	5.5	6.0	Sáu	
139	1812719008	Nguyễn Thị Tú	Anh	N18DLK4	8	5	5	5.0	6.8	8	7.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
140	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	N18DLK4	9	5	6	5.5	7.8	7.5	7.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
141	1813719050	Phạm Văn	Đạt	N18DLK4	7	5	6	5.5	5	6.5	5.8	5.8	Năm phẩy Tám	
142	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	N18DLK4	9	5	6	5.5	5.6	6.5	6.1	6.2	Sáu phẩy Hai	
143	1813719039	Trần Hữu	Duy	N18DLK4	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
144	1812719044	Lưu Thị Mỹ	Duyên	N18DLK4	8	6	5	5.5	5	5	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
145	1812719071	Bùi Thị	Hiên	N18DLK4	7	5	5	5.0	4	5	4.5	0.0	Không	
146	1813719081	Nguyễn Thanh Trung	Hiếu	N18DLK4	6	5	6	5.5	7	8	7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
147	1813719082	Nguyễn Trọng	Hiếu	N18DLK4	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
148	1813719079	Nguyễn Trung	Hiếu	N18DLK4	7	6	6	6.0	5.2	7.5	6.4	6.3	Sáu phẩy Ba	
149	1812719084	Đào Thị Kim	Hoa	N18DLK4	8	6	5	5.5	5	5.5	5.3	5.6	Năm phẩy Sáu	
150	1812719092	Trương Thị Khánh	Hồng	N18DLK4	4	5	5	5.0	5.6	5.5	5.6	5.3	Năm phẩy Ba	
151	1813719098	Nguyễn Lê	Hưng	N18DLK4	2	1	0	0.5	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
152	1813719095	Nguyễn Xuân	Huy	N18DLK4	6	5	6	5.5	5	5.5	5.3	5.4	Năm phẩy Bốn	
153	1813719106	Đặng Vũ Anh	Khoa	N18DLK4	9	6	7	6.5	5.6	6.5	6.1	6.5	Sáu phẩy Năm	
154	1813719108	Nguyễn Hữu Đăng	Khoa	N18DLK4	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
155	1813719112	Đào Ngọc	Khuê	N18DLK4	9	5	5	5.0	5	6	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
156	1812719114	Lưu Mỹ	Lai	N18DLK4	5	5	6	5.5	3.8	V	V	0.0	Không	
157	1812719118	Nguyễn Thị Ái	Lâm	N18DLK4	7	5	6	5.5	7.2	8.5	7.9	7.1	Bảy phẩy Một	
158	1812719123	Đậu Thị Thùy	Linh	N18DLK4	8	7	6	6.5	3.2	5	4.1	0.0	Không	
159	1812719121	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	N18DLK4	7	5	5	5.0	3.4	5.5	4.5	0.0	Không	
160	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài	Linh	N18DLK4	9	5	7	6.0	5.8	7	6.4	6.5	Sáu phẩy Năm	
161	1812719126	Phan Bạch Hồng	Loan	N18DLK4	8	5	6	5.5	5.4	5.5	5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
162	1813719136	Tôn Thất	Mãi	N18DLK4	7	6	5	5.5	6.2	7	6.6	6.3	Sáu phẩy Ba	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
163	1812719140	Dương Nhật	My	N18DLK4	7	5	6	5.5	V	6	V	0.0	Không	
164	1812719141	Trần Hải	My	N18DLK4	0	0	4	2.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
165	1812719146	Nguyễn Thị Thúy	Nga	N18DLK4	8	6	5	5.5	8	5.5	6.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
166	1812719151	Nguyễn Thị Tỏ	Nguyên	N18DLK4	9	7	6	6.5	5	7	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
167	1812719157	Lê Võ Mỹ Thanh	Nhân	N18DLK4	7	4	6	5.0	5.4	6.5	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
168	1813719158	Nguyễn Trọng	Nhân	N18DLK4	7	7	5	6.0	6.6	6	6.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
169	1813719159	Trương Thành	Nhân	N18DLK4	10	6	7	6.5	7	8	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
170	1813719163	Lê Quang	Nhật	N18DLK4	6	4	6	5.0	2.6	5.5	4.1	0.0	Không	
171	1812719170	Trần Phương Quỳnh	Nhi	N18DLK4	9	5	6	5.5	5	7	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
172	1812719169	Trương Thị Thúy	Nhi	N18DLK4	7	5	5	5.0	6.8	7	6.9	6.3	Sáu phẩy Ba	
173	1813719179	Trịnh Thành	Phát	N18DLK4	7	7	5	6.0	5.4	6	5.7	5.9	Năm phẩy Chín	
174	1813719181	Hà Ngọc Huy	Phong	N18DLK4	7	5	6	5.5	5.8	7.5	6.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
175	1813719182	Nguyễn Chí	Phong	N18DLK4	8	6	5	5.5	5.4	6.5	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
176	1812719183	Nguyễn Ngọc	Phú	N18DLK4	9	6	6	6.0	7.4	7	7.2	7.0	Bảy	
177	1812719198	Huỳnh Thị Bích	Phương	N18DLK4	7	5	5	5.0	7.2	8	7.6	6.8	Sáu phẩy Tám	
178	1812719199	Trương Thị Ngọc	Phượng	N18DLK4	9	7	7	7.0	8.8	9	8.9	8.3	Tám phẩy Ba	
179	1812719203	Nguyễn Thị Thu	Quý	N18DLK4	8	8	6	7.0	7.2	7	7.1	7.2	Bảy phẩy Hai	
180	1812719209	Phạm Đoàn Khánh	Quỳnh	N18DLK4	7	5	5	5.0	7.4	7	7.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
181	1813719216	Nguyễn Thanh	Son	N18DLK4	6	6	5	5.5	7	6	6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
182	1813719225	Phạm Ngọc Bảo	Tân	N18DLK4	6	5	5	5.0	5.2	5.5	5.4	5.3	Năm phẩy Ba	
183	1813719236	Nguyễn Văn Hoàng	Thắng	N18DLK4	5	4	7	5.5	V	V	V	0.0	Không	
184	1812719227	Nguyễn Lan	Thanh	N18DLK4	7	5	6	5.5	5.6	5.5	5.6	5.7	Năm phẩy Bảy	
185	1812719233	Trần Dương Việt	Thảo	N18DLK4	9	8	8	8.0	7	9	8.0	8.1	Tám phẩy Một	
186	1813719241	Trần Bửu	Thịnh	N18DLK4	4	2	0	1.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
187	1813719243	Nguyễn Ngọc	Thông	N18DLK4	7	5	5	5.0	6.8	6.5	6.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
188	1812719256	Phạm Thị Minh	Thúy	N18DLK4	8	7	6	6.5	6.8	5.5	6.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
189	1812719259	Trần Thủy	Tiên	N18DLK4	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
190	1812719260	Võ Thị Hà	Tiên	N18DLK4	8	5	6	5.5	6.2	7.5	6.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
191	1813719262	Nguyễn Đăng Trung	Tín	N18DLK4	6	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
192	1812719277	Thân Trọng Nam	Trân	N18DLK4	5	5	5	5.0	7.6	6.5	7.1	6.3	Sáu phẩy Ba	
193	1813719293	Phan Sỹ	Tùng	N18DLK4	8	7	6	6.5	4	6	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
194	1813719313	Dương Lê Tuấn	Vũ	N18DLK4	9	8	7	7.5	9.4	9	9.2	8.7	Tám phẩy Bảy	
195	1813719001	Bùi Quý	An	N18DLK5	9	8	8	8.0	7	7.5	7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy	
196	1813719003	Lê Thành	An	N18DLK5	8	7	8	7.5	7	7.5	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
197	1813719002	Nguyễn Đình	An	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
198	1813719011	Đào Duy	Anh	N18DLK5	7	5	6	5.5	4.2	7	5.6	5.7	Năm phẩy Bảy	
199	1812719006	Ngô Thị Quỳnh	Anh	N18DLK5	9	6	6	6.0	5.2	4	4.6	0.0	Không	
200	1813719021	Nguyễn Hữu	Châu	N18DLK5	8	7	7	7.0	5.6	7.5	6.6	6.9	Sáu phẩy Chín	
201	1812719023	Võ Quế	Chi	N18DLK5	9	6	7	6.5	6	5.5	5.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
202	1813719025	Lê Văn	Chiến	N18DLK5	9	7	7	7.0	2.2	V	V	0.0	Không	
203	1813719027	Bảo Hoàng	Chương	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
204	1813719051	Lê Đình	Đầu	N18DLK5	10	7	7	7.0	3.6	6	4.8	0.0	Không	
205	1813719029	Võ Văn	Diệp	N18DLK5	6	6	6	6.0	5.6	V	V	0.0	Không	
206	1813719030	Dương Minh	Điều	N18DLK5	6	6	6	6.0	4	5	4.5	0.0	Không	
207	1813719060	Nguyễn Ngọc	Giang	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
208	1812719063	Huỳnh Thị Kim	Hà	N18DLK5	5	6	4	5.0	4.2	6	5.1	5.1	Năm phẩy Một	
209	1813719070	Đình Văn	Hậu	N18DLK5	8	6	7	6.5	3.2	6	4.6	0.0	Không	
210	1813719075	Trương Thanh	Hiền	N18DLK5	10	6	6	6.0	4.6	5.5	5.1	5.9	Năm phẩy Chín	
211	1813719626	Nguyễn Đình	Hiệp	N18DLK5	8	6	7	6.5	4.6	5	4.8	0.0	Không	
212	1813719078	Trương Hoàng	Hiếu	N18DLK5	10	6	6	6.0	4.4	5.5	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
213	1813719089	Trần Thiên	Hoàng	N18DLK5	10	7	7	7.0	3	6	4.5	0.0	Không	
214	1813719097	Phạm Lê Duy	Hưng	N18DLK5	8	7	6	6.5	7.2	8	7.6	7.3	Bảy phẩy Ba	
215	1812719100	Trần Thị Minh	Hương	N18DLK5	8	6	6	6.0	4.6	5.5	5.1	5.7	Năm phẩy Bảy	
216	1813719104	Phan Thanh	Khải	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
217	1812719117	Nguyễn Thị	Lan	N18DLK5	10	8	7	7.5	3.8	5.5	4.7	0.0	Không	
218	1812719120	Trần Huỳnh Kim	Linh	N18DLK5	7	6	6	6.0	V	5.5	V	0.0	Không	
219	1813719128	Nguyễn Hoàng	Long	N18DLK5	8	7	7	7.0	4.2	5.5	4.9	0.0	Không	
220	1813719143	Ngô Tuấn	Mỹ	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
221	1813719154	Trương Văn	Nguyên	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
222	1813719153	Vũ Hoàng	Nguyên	N18DLK5	9	7	6	6.5	5.2	6.5	5.9	6.4	Sáu phẩy Bốn	
223	1812719156	Hoàng Thị	Nguyệt	N18DLK5	10	7	8	7.5	4.2	7.5	5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
224	1813719161	Mai Xuân	Nhật	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
225	1813719164	Nguyễn Quang	Nhật	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
226	1813719175	Đỗ Văn	Nhựt	N18DLK5	7	6	6	6.0	4.8	6.5	5.7	5.9	Năm phẩy Chín	
227	1813719189	Trần Phi	Phụng	N18DLK5	6	6	6	6.0	6.4	6.5	6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
228	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài	Thu	N18DLK5	7	8	7	7.5	6.2	5.5	5.9	6.5	Sáu phẩy Năm	
229	1812719251	Đào Trần Phương	Thùy	N18DLK5	4	5	5	5.0	5.6	5.5	5.6	5.3	Năm phẩy Ba	
230	1812719254	Nguyễn Thị Thu	Thủy	N18DLK5	5	5	6	5.5	V	V	V	0.0	Không	
231	1812719255	Nguyễn Thị Thu	Thủy	N18DLK5	9	7	8	7.5	7	8	7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
232	1813719264	Nguyễn Thành	Tín	N18DLK5	8	6	6	6.0	5.2	6	5.6	6.0	Sáu	
233	1813119457	Nguyễn Văn	Tịnh	N18DLK5	10	7	8	7.5	2.6	7	4.8	0.0	Không	
234	1813719278	Huỳnh Ngọc	Trí	N18DLK5	8	6	7	6.5	6.6	7	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
235	1813719280	Lý Thế	Triều	N18DLK5	8	8	8	8.0	7.2	7	7.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
236	1813719284	Lê Công	Trình	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
237	1813719286	Nguyễn Thành	Trung	N18DLK5	10	7	8	7.5	3.8	6	4.9	0.0	Không	
238	1813719285	Tạ Thanh	Trung	N18DLK5	8	7	7	7.0	V	7	V	0.0	Không	
239	1813719290	Nguyễn Ngọc	Tú	N18DLK5	10	7	7	7.0	4.4	6.5	5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
240	1813719292	Phan Thành	Tuấn	N18DLK5	6	6	7	6.5	3.4	6.5	5.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
241	1813719291	Trần Anh	Tuấn	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
242	1813719294	Đặng Lê Thanh	Tùng	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
243	1812719299	Hồ Lê Thị Thảo	Uyên	N18DLK5	6	6	6	6.0	V	7	V	0.0	Không	
244	1812719298	Phạm Thị Thảo	Uyên	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN: ANH NGỮ 1

MÃ MÔN: ENG 2101

Ngày thi: 04/01/2013

BẢNG GHI ĐIỂM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 2

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
245	1813719310	Nguyễn Hữu	Vinh	N18DLK5	10	6	6	6.0	6.2	6.5	6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
246	1813719315	Trần Vương	Vũ	N18DLK5	7	6	6	6.0	V	V	V	0.0	Không	
247	1812719320	Nguyễn Thị Kiều	Vy	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
248	1812719321	Trần Thị Hiền	Vy	N18DLK5	7	6	6	6.0	6.2	4	5.1	5.6	Năm phẩy Sáu	
249	1812719325	Huỳnh Thị Phương	Yến	N18DLK5	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
250	1813719004	Lê Đức	Anh	N18DLK6	6	8	8	8.0	6.2	6	6.1	6.7	Sáu phẩy Bảy	
251	1813719010	Nguyễn Đức	Anh	N18DLK6	7	5	5	5.0	6.6	7.5	7.1	6.5	Sáu phẩy Năm	
252	1812719009	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	N18DLK6	8	6	8	7.0	6.4	6.5	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
253	1813719022	Nguyễn Nhật Long	Châu	N18DLK6	4	6	5	5.5	8	7	7.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
254	1813719024	Nguyễn Quang	Chiến	N18DLK6	10	10	10	10.0	4.2	8	6.1	7.7	Bảy phẩy Bảy	
255	1812719026	Lê Thị Kim	Chung	N18DLK6	10	7	8	7.5	4.2	5.5	4.9	0.0	Không	
256	1812719048	Trần Đăng Minh	Đài	N18DLK6	7	8	9	8.5	5.6	5	5.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
257	1813719052	Trần Văn	Định	N18DLK6	7	5	6	5.5	2.6	6	4.3	0.0	Không	
258	1812719054	Nguyễn Thị Thu	Đông	N18DLK6	6	8	8	8.0	6	7	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
259	1813719058	Trần Hoàng Trung	Đức	N18DLK6	6	9	8	8.5	5.2	6	5.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
260	1813719057	Vũ Điều	Đức	N18DLK6	5	7	8	7.5	6.6	6	6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
261	1813719037	Thái Tú	Dũng	N18DLK6	9	10	10	10.0	6.6	8	7.3	8.3	Tám phẩy Ba	
262	1812719055	Nguyễn Ngọc	Đúng	N18DLK6	7	7	7	7.0	6.6	5	5.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
263	1813719042	Nguyễn Khánh	Duy	N18DLK6	8	7	6	6.5	5.8	7	6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
264	1813719040	Nguyễn Ngọc	Duy	N18DLK6	8	8	8	8.0	6	6.5	6.3	7.0	Bảy	
265	1813719041	Nguyễn Tấn	Duy	N18DLK6	10	10	10	10.0	5	8	6.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
266	1812719215	H' Hiệp Niê	H' Sah	N18DLK6	8	9	8	8.5	9	8	8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
267	1813719066	Hồ Viêt	Hà	N18DLK6	7	6	8	7.0	6.6	6	6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
268	1812719064	Lê Thị Ngọc	Hà	N18DLK6	10	7	8	7.5	4.2	6	5.1	6.3	Sáu phẩy Ba	
269	1812719069	Tôn Nữ Thị	Hằng	N18DLK6	10	6	8	7.0	5.8	7	6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
270	1812719068	Nguyễn Hồng	Hạnh	N18DLK6	6	7	8	7.5	7.6	6	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
271	1813719072	Nguyễn Viêt Duy	Hiên	N18DLK6	8	8	8	8.0	4.2	7	5.6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
272	1813719077	Trần Minh	Hiên	N18DLK6	7	7	7	7.0	5.4	6.5	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
273	1813719083	Võ Đình	Hiếu	N18DLK6	5	6	8	7.0	5.4	6.5	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
274	1812719085	Lê Hoàng	Hoa	N18DLK6	8	8	8	8.0	5.8	7	6.4	7.0	Bảy	
275	1813719091	Võ Quang	Hoàng	N18DLK6	9	10	10	10.0	2.8	8	5.4	7.1	Bảy phẩy Một	
276	1813719094	Phạm Thế	Hùng	N18DLK6	10	10	8	9.0	3.4	7	5.2	6.8	Sáu phẩy Tám	
277	1812719101	Lê Thị Thu	Hương	N18DLK6	7	6	8	7.0	4.6	6	5.3	6.0	Sáu	
278	1813719102	Nguyễn Văn Hy	Hữu	N18DLK6	4	7	5	6.0	V	V	V	0.0	Không	
279	1813719109	Trần Đăng	Khoa	N18DLK6	8	8	8	8.0	5	7	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
280	1813719119	Nguyễn Xuân Sơn	Lâm	N18DLK6	6	6	8	7.0	3.4	7	5.2	5.8	Năm phẩy Tám	
281	1813719130	Huỳnh Bá	Lộc	N18DLK6	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
282	1813719129	Phạm Quốc	Long	N18DLK6	7	7	8	7.5	4	7	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
283	1812719133	Dương Trương Thị	Luyến	N18DLK6	8	7	8	7.5	5.2	6.5	5.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
284	1813719137	Nguyễn Ngọc	Mùi	N18DLK6	8	7	8	7.5	5.2	7	6.1	6.7	Sáu phẩy Bảy	
285	1812719144	Nguyễn Hoàng Ni	Na	N18DLK6	8	7	8	7.5	6	6	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
286	1812719147	Đoàn Thị Khánh	Nga	N18DLK6	7	6	8	7.0	V	6.5	V	0.0	Không	
287	1812719627	Mai Tùng	Nghĩa	N18DLK6	7	5	8	6.5	6.8	7	6.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
288	1812719155	Nguyễn Diêu Tài	Nguyên	N18DLK6	6	7	8	7.5	4.4	5	4.7	0.0	Không	
289	1813719160	Nguyễn Văn Thành	Nhân	N18DLK6	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
290	1812719162	Đặng Thị Hồng	Nhật	N18DLK6	7	8	8	8.0	5.4	5.5	5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
291	1812719165	Phan Thị Uyên	Nhi	N18DLK6	7	7	8	7.5	8	6	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
292	1812719173	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	N18DLK6	5	7	8	7.5	4.6	5.5	5.1	5.8	Năm phẩy Tám	
293	1812719176	Nguyễn Thị	Nữ	N18DLK6	8	7	8	7.5	7.6	6	6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
294	1812719178	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	N18DLK6	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
295	1813719187	Nguyễn Thành	Phúc	N18DLK6	7	8	8	8.0	4.8	7	5.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
296	1813719194	Trần Ngọc	Phước	N18DLK6	8	9	8	8.5	V	V	V	0.0	Không	
297	1812719193	Võ Thị	Phước	N18DLK6	6	8	8	8.0	5.2	6	5.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
298	1813719200	Nguyễn Hữu Thành	Quang	N18DLK6	3	8	5	6.5	V	V	V	0.0	Không	
299	1813719201	Nguyễn Thế	Quang	N18DLK6	4	7	8	7.5	5.2	7	6.1	6.3	Sáu phẩy Ba	
300	1813719207	Nguyễn Kim Trúc	Quyên	N18DLK6	5	5	7	6.0	5	6.5	5.8	5.8	Năm phẩy Tám	
301	1812719212	Mai Trần Xuân	Quỳnh	N18DLK6	5	7	8	7.5	4.8	6	5.4	6.0	Sáu	
302	1812719213	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	N18DLK6	7	7	8	7.5	5	6.5	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
303	1813719223	Nguyễn Tấn	Tâm	N18DLK6	6	9	7	8.0	7.6	6.5	7.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
304	1812719220	Phan Nguyễn Thành	Tâm	N18DLK6	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
305	1813719221	Tô Văn Hoài	Tâm	N18DLK6	10	10	10	10.0	6.2	8	7.1	8.3	Tám phẩy Ba	
306	1813719224	Vũ Đức	Tâm	N18DLK6	0	0	0	0.0	0	0	0.0	0.0	Không	Cấm thi
307	1812719235	Nguyễn Thị Gia	Thảo	N18DLK6	10	7	8	7.5	6.8	8	7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy	
308	1813719238	Ngô Minh	Thiện	N18DLK6	7	8	8	8.0	8.2	6	7.1	7.4	Bảy phẩy Bốn	
309	1813719240	Nguyễn Văn	Thịnh	N18DLK6	9	9	8	8.5	8.4	8	8.2	8.4	Tám phẩy Bốn	
310	1812719246	Dương Thị Ngọc	Thu	N18DLK6	7	4	7	5.5	5.8	5.5	5.7	5.8	Năm phẩy Tám	
311	1812719247	Huỳnh Nữ Phương	Thu	N18DLK6	7	7	6	6.5	6.4	7	6.7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
312	1813719265	Đặng Thanh	Tịnh	N18DLK6	8	8	7	7.5	6.8	7.5	7.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
313	1812719276	Lê Thị	Trâm	N18DLK6	8	7	8	7.5	6.2	5.5	5.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
314	1812719270	Phan Nguyễn Thùy	Trâm	N18DLK6	10	8	8	8.0	V	8	V	0.0	Không	
315	1813719279	Nguyễn Duy	Trí	N18DLK6	5	5	6	5.5	6.2	7	6.6	6.1	Sáu phẩy Một	
316	1813719281	Nguyễn Công	Triệu	N18DLK6	10	8	8	8.0	7	7	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
317	1812719282	Huỳnh Thị Ánh	Trình	N18DLK6	6	5	8	6.5	6.4	7	6.7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
318	1812719283	Trương Thị Ngọc	Trình	N18DLK6	4	7	8	7.5	5.2	6	5.6	6.0	Sáu	
319	1812719296	Phạm Thị Thanh	Tuyền	N18DLK6	9	7	8	7.5	7	7.5	7.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
320	1812719300	Trần Hồ Phương	Uyên	N18DLK6	7	8	8	8.0	6.4	6	6.2	6.8	Sáu phẩy Tám	
321	1812719305	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	N18DLK6	8	8	8	8.0	7.2	6	6.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
322	1813719301	Trần Khánh	Vân	N18DLK6	7	7	7	7.0	5	8	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
323	1812719304	Nguyễn Thị	Vân	N18DLK6	7	6	9	7.5	8	7	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
324	1812719306	Nguyễn Phước Ánh	Vi	N18DLK6	3	8	6	7.0	V	V	V	0.0	Không	
325	1813719316	Lê Tấn	Vũ	N18DLK6	7	6	7	6.5	7.6	7	7.3	7.0	Bảy	
326	1813719317	Nguyễn Minh	Vương	N18DLK6	8	6	6	6.0	5.8	6	5.9	6.1	Sáu phẩy Một	

Ngày thi: 04/01/2013

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH	LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
327	1813719322	Nguyễn Phú Vỹ	N18DLK6	8	6	8	7.0	6	7	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	240	73%	
2	Số sinh viên nợ	87	27%	
TỔNG CỘNG :		327	100%	

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú